TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 04/9/2019
V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện P, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*: ông Tạ Bá Nhịn, Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2014/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2014 về việc tranh chấp Quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 78/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:**

1. bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1935 – Có mặt
2. ông Đặng Quốc T1, sinh năm 1971 – Có mặt
3. bà Đặng Hồng T2, sinh năm 1974 – Có mặt
4. bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1975 – Vắng mặt
5. bà Đặng Trúc G, sinh năm 1993 – Vắng mặt

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ

***Bị đơn*:**

1. bà Đặng Thị H1, sinh năm 1953
2. ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1974
3. ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1975
4. bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1979
5. ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1983
6. ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1985

Cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M2 (theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2013) – Có mặt

7. bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1987 – Vắng mặt

8. bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1991 – Có mặt

9. bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 – Có mặt

Địa chỉ: X ấp T, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. bà Đặng Thị Hồng C, sinh năm 1953 – Có mặt
2. bà Đặng Hồng T6, sinh năm 1959 – Có mặt
3. bà Đặng Hồng N1, sinh năm 1961 – Có mặt
4. ông Đặng Long A, sinh năm 1967 – Có mặt

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Huỳnh Thị B trình bày: phần đất thửa 803, 804 có nguồn gốc của chồng bà là ông Đặng Văn N2, sau năm 1975 ông N2 cho người cháu là Đặng Thị H1 cất nhà ở nhờ, không có chuyển nhượng. Năm 2003, ông N2 chết. Năm 2011, các con ông N2 làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất thì bà H1 ngăn cản, gia đình bà mới biết bà H1 đã đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà khởi kiện yêu cầu hộ bà H1 giao trả phần đất thửa 803, 804, diện tích 256m^2.

Nguyên đơn ông Đặng Quốc T1, bà Đặng Hồng T2, bà Nguyễn Thị T3, ông Đặng Trúc G thống nhất lời khai của bà B.

Bị đơn – bà Đặng Thị H1 trình bày: phần đất thửa 803, 804 có nguồn gốc của ông bà để lại cho chú ruột là Đặng Văn N2, năm 1973 ông N2 cho bà phần đất này để cất nhà ở. Năm 1997, ông N2 là người chỉ ranh để đoàn đo đạc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Nay bà B và các con của ông N2 khởi kiện đòi lại đất thì bà không đồng ý.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H3, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị M2, bà Nguyễn Thị L thống nhất lời khai của bà H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Hồng C, bà Đặng Hồng T6, bà Đặng Hồng N1, ông Đặng Long A thống nhất lời khai của bà B.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định pháp luật về tố tụng nhưng vi phạm về

thời hạn giải quyết vụ án; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao trả phần đất thửa 803, 804 nhưng không có chứng cứ chứng minh được quyền sử dụng đất, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2012 bà Huỳnh Thị B, ông Đặng Quốc T1, bà Đặng Hồng T2, bà Nguyễn Thị T3, bà Đặng Trúc G yêu cầu bà Đặng Thị H1, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H3, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị M2, bà Nguyễn Thị L giao trả quyền sử dụng đất thửa 803, 804 diện tích 350m^2. Quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

[2] Nguyên đơn Nguyễn Thị T3, Đặng Trúc G đều vắng mặt trong các phiên hòa giải ngày 22/8/2014, ngày 07/4/2016, ngày 26/4/2018 và không đến Tòa án tham dự phiên tòa ngày 19/7/2019, ngày 20/8/2019, ngày 04/9/2019 nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn này.

[3] Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất lời khai phần đất tranh chấp thửa 803, 804 có nguồn gốc của ông Đặng Văn N2. Năm 1977, ông N2 cho bà H1 cất nhà. Theo bà B, ông N2 chỉ cho bà H1 ở nhờ, tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý tiếp tục cho ở phần nền nhà, phần còn lại bị đơn phải sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người thừa kế của ông N2. Phía bà H1 không thừa nhận việc ở nhờ và cho rằng đã được ông N2 tặng cho phần đất. Việc ở nhờ hay tặng cho quyền sử dụng đất đều không thể hiện bằng văn bản, đồng thời phần đất khi giao cho bà H1 sử dụng cũng không có chứng cứ thể hiện diện tích bao nhiêu. Ông T1 trình bày phần đất phía trước nhà bà H1 vốn là đất mương, ông đã bơm cát san lấp, tuy nhiên tình tiết này không đủ cơ sở xác định ông T1 là người sử dụng đất trước khi có tranh chấp phát sinh. Đồng thời, ông T1 cho rằng khoảng năm 1998 ông N1, bà B từng tranh chấp ranh đất với ông Đặng Văn T7, ông Đặng Văn H4 nhưng không có giữ biên bản thỏa thuận giải quyết tranh chấp này; Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L nhưng không thu thập được biên bản hòa giải. Do đó, lời trình bày của nguyên đơn về việc từ trước đến nay vẫn sử dụng phần đất tranh chấp, thu hoạch hoa lợi và chăm sóc cây trồng trên đất là không có cơ sở chứng minh.

[4] Năm 1997 bà H1 kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 803, 804, thời điểm này ông Đặng Văn N2 vẫn còn sống, không có

tranh chấp. Năm 2002, ông N2, bà B cũng kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 805, 806 giáp với thửa 803, 804 mà không ý kiến gì về vị trí, diện tích các thửa đất được cấp. Như vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà H1 đúng theo trình tự, thủ tục quy định pháp luật, không có nhầm lẫn, sai sót, chồng lấn thửa đất.

[5] Xét quá trình bà H1 sử dụng đất từ năm 1977 đến năm 2011 mới phát sinh tranh chấp, đã ổn định, lâu dài, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1997, do đó yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn chịu án phí không giá ngạch, bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 247, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị B, Đặng Quốc T1, Đặng Hồng T2.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T3, Đặng Trúc G.

Ổn định cho hộ bà Đặng Thị H1 được quyền sử dụng đất diện tích 256m^2, thửa 803, 804, tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00352 ngày 13/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho hộ bà Đặng Thị H1. Đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ. (Kèm theo mảnh trích đo địa chính số 339-2015 ngày 17/8/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P, thành phố Cần Thơ).

Chi phí đo đạc, định giá: nguyên đơn nộp 4.500.000 đồng (đã nộp xong).

Án phí dân sự sơ thẩm: ông T1, bà T2 nộp 300.000 đồng, khấu trừ 907.000 đồng tạm ứng án phí theo phiếu thu số AB/2013/003553 ngày 22/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, ông T1 được nhận lại 607.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Liêng Thị Hồng Hoa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THA H. P;
- Lưu (HS - 2b).